

**KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ: BÉ BIẾT GÌ VỀ BẢN THÂN**  
**LỚP MẪU GIÁO GHEP 3, 4, 5 TUỔI**  
**Thời gian thực hiện: Từ ngày 30/09/2024 – 18/10/2024**

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động
			Chung	Riêng	
<b>1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>					
<b>a) Phát triển vận động</b>					
1	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	<b>3,4,5 tuổi:</b> - Hô hấp: Gà gáy - Tay: Co và duỗi tay - Lưng bụng: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Chân: Bật tại chỗ		<b>*Hoạt động học:</b> <b>Thể dục sáng:</b> Hô hấp: Gà gáy - Tay: Co và duỗi tay - Lưng bụng: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Chân: Bật tại chỗ “Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát: Thể dục buổi sáng. <b>* Hoạt động chơi:</b> Trò chơi: Con thỏ, trời nắng trời mưa, dung dăng dung dẻ...
2	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh			
3	5	- Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp			
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bật về phía trước ` Đi trong đường hẹp	- Bật về phía trước - Đi trong đường hẹp		<b>* Hoạt động học</b> <b>VĐ:</b> B. Bật về phía trước N. Bật liên tục về phía trước L. Bật liên tục vào vòng <b>* Hoạt động chơi</b> - Trò chơi VĐ:
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Bật liên tục về phía trước Đi trên ghế thể dục	- Bật liên tục về phía trước - Đi trên ghế thể dục		

6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Bất liên tục vào vòng ` Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Bất liên tục vào vòng - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát	Ném bóng vào rổ <b>* Hoạt động học</b> <b>VĐ:</b> B. Đi trong đường hẹp N. Đi trên ghế thể dục L. Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. <b>* Hoạt động chơi</b> - Trò chơi VĐ: Kéo co
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau.	Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	<b>* Hoạt động học:</b> <b>Thể dục sáng:</b> - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay ` Gập, mở, các ngón tay	Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi	
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	
19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: ` Vẽ được hình tròn theo mẫu. ` Xếp chồng 1-2 khối không đổ.	<b>* 4,5 tuổi</b> ` Tô <b>* 3,4,5 tuổi</b> ` Cài, cởi cúc. ` Xâu, buộc dây	<b>* Hoạt động Chơi</b> <b>- HDG</b> + Góc kỹ năng 3t: Tập luyện cài, cởi cúc áo. 4,5t: Thực hiện cài, cởi cúc áo; Xâu, buộc dây giày. 5t: Rèn luyện kéo khoá áo, quần (phéc mơ
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình bạn trai, bạn gái ` Xây dựng, lắp ráp với		<b>* Hoạt động Chơi</b> <b>- HDG</b> + Góc kỹ năng 3t: Tập luyện cài, cởi cúc áo. 4,5t: Thực hiện cài, cởi cúc áo; Xâu, buộc dây giày. 5t: Rèn luyện kéo khoá áo, quần (phéc mơ

		2 -3 khối.			tuya), luôn giày...
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay ` Vẽ hình bạn trai, bạn gái ` Xếp chồng 3-4 khối theo mẫu.		` Tô, đồ theo nét. ` Kéo khoá (phéc mớ tuya), luôn.	+ Góc nghệ thuật (Tạo hình) 4+5T: Tô, đồ theo các nét chữ cái, chữ số, 3T: Tô vẽ nguyệt ngoạc. - Chơi ngoài trời: Vẽ phân hình bạn trai, bạn gái
<b>b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>					
22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	` Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc ở địa phương.		<b>* Hoạt động học</b> <b>DDSK:</b> Trò chuyện về 4 nhóm thực phẩm
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.	` Nhận biết một số thực phẩm ( quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)		<b>* Hoạt động chơi: HDG</b> + Góc học tập ` Xem tranh, ảnh, vật thật trò chuyện với trẻ về 1 số thực phẩm: thịt, cá, trứng, sữa, rau, ... + Góc phân vai:
24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... ` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn khi được cô hỏi và trò chuyện ` Trẻ biết thực hiện một số thao tác đơn giản trong chế
25	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, thịt gà luộc, cá nướng, thịt lợn rang, canh rau...	Nhận biết tên một số món ăn quen thuộc.		
26	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản:	` Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		
27	5	rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho;	` Làm quen với một số thao tác		

		gạo nấu cơm, nấu cháo...	đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	biến một số món ăn, thức uống. - <b>HD ăn:</b> ` Trò chuyện với trẻ hàng ngày: Được ăn món gì? Chế biến từ thực phẩm nào? Thịt, cá,.. là thực phẩm giàu chất gì? ..
28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	<p>` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>' Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật ( ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p>	<p><b>*Hoạt động ăn</b> Trò chuyện với trẻ về ích lợi của việc ăn uống đầy đủ chất</p>
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		
30	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khoẻ.		
31	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....	<p>' Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</p> <p>' Tập rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>' Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu, ăn ngủ, vệ sinh.</p>	<p><b>* HD vệ sinh:</b> Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</p>
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	<p>Tập đánh răng, lau mặt.</p> <p>' Rèn luyện thao tác rửa tay với xà phòng.</p> <p>' Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p>	<p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội nước cho sạch</p> <p><b>* Hoạt động</b></p>

		<p>` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</p>		<p><b>chơi:</b> - Chơi ngoài trời : Sau giờ chơi ngoài trời trẻ tự cài, cởi quần áo, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định.</p>
33	5	<p>Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn</p>	<p>Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p>	
34	3	<p>` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<p>` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách, thành thạo</p>	<p><b>*HD ăn:</b> - Trẻ biết dùng tay phải cầm thìa xúc ăn, tay trái giữ bát, ăn xong cất bát nhẹ nhàng vào rổ. <b>*HD chơi:</b> `GPV: Chơi gia đình: nấu ăn, ăn uống, bán hàng</p>
35	4	<p>` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>		
36	5	<p>` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>		
37	3	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...</p>	<p><b>**Hoạt động ăn:</b> Trò chuyện với trẻ về một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không đùa nghịch khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn, không uống nước lã...</p>	
38	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.</p>		
39	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch,</p>		
			<p><b>* 3,4,5 tuổi`</b> Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: `Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. `Uống nước đã đun sôi, không uống nước lã</p>	

		<p>không làm đồ vãi thức ăn.</p> <p>` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p> <p>` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường</p>			
40	3	<p>Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<p><b>* 3, 4, 5 tuổi:</b></p> <p>` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <p>` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T)</p> <p><b>* 4-5 tuổi:</b></p> <p>` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p>	<p>` Nhận biết trang phục theo thời tiết.</p>	<p><b>* Hoạt động học</b></p> <p>- Trong giờ đón, trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về cách giữ gìn vệ sinh thân thể</p> <p>` Xem tranh, ảnh, vật thật trò chuyện về với trẻ về:</p> <p>` Trang phục theo thời tiết.</p> <p>` Một số biểu hiện khi ốm</p> <p>` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p> <p><b>* HĐ vệ sinh:</b></p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội nước cho sạch</p>
41	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</p> <p>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</p> <p>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định.</p>		
42	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <p>` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</p> <p>` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</p> <p>` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</p> <p>` Che miệng khi ho, hắt hơi.</p>			

		<p>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp.</p>			
43	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	<p>` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p>	<p>* <b>HĐ chơi</b></p> <p>- <b>HDG</b></p> <p>+ <b>Góc học tập</b></p> <p>` Xem tranh, ảnh, vật thật về: Một số vật dụng nguy hiểm và trò chuyện với trẻ không nên nghịch các đồ dùng vật dụng đó như: Dao, phích nước nóng, bếp đang đun, nấu, lửa....</p>	
44	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.			
45	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
49	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: <p>` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</p> <p>` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng</p>	<p>* <b>Hoạt động học:</b></p> <p>- Trong giờ đón trả trẻ: Trò chuyện về một số nội quy của lớp: Không tự ý đi về, không về theo người lạ, không tự ý ra khỏi trường khi chưa được phép của cô giáo, không nhận quà của người lạ.</p> <p>- Xem tranh ảnh về cách</p>	
50	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: <p>` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</p> <p>` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>			
51	5	` Trẻ nhận biết được nguy			

		<p>ơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <p>` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...</p>		<p>phòng tránh một số hành động nguy hiểm. Dạy trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu</p>
52	4	<p>Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <p>` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p>		<p>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo</p> <p><b>* HD học:</b></p> <p>- PTKNXH: Kỹ năng tự bảo vệ bản thân</p>
53	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <p>` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</p> <p>` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.:</p> <p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo</p>		
55	5	<p>Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng</p>	<p>` Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng</p> <p>' Biết chải đầu, vuốt tóc khi tóc rối, chỉnh sửa và giữ gìn quần áo sạch sẽ, gọn gàng hoặc khi được cô giáo nhắc</p>	<p><b>* HD học:</b></p> <p>` <b>Rèn KN:</b></p> <p>Chải đầu tóc, gấp quần áo gọn gàng</p>
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>				



a) Khám phá khoa học				
56		Quan tâm, hứng thú và có một số hiểu biết về bản thân: `Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích của bản thân `Nhận biết tên 1 số bộ phận trên cơ thể, các giác quan, chức năng chính của chúng.	<p><b>* 3,4,5 T:</b> ` Chức năng các giác quan và (một số 3T, các 4-5T) bộ phận khác của cơ thể.</p>	<p><b>* Hoạt động học</b> 5 E: Khám phá các giác quan</p> <p><b>* Hoạt động chơi</b> - Trò chơi: Gắn đúng các bộ phận cơ thể - Trò chơi: Thi xem ai nhanh - <b>Chơi ngoài trời</b> - Thí nghiệm: chất tan và không tan ` Quan sát cây hoa ngọc thảo, cây hoa quân tử, cây hoa trà my, cây rau cải, cây rau ngót nhạt ` Quan sát bầu trời ` Lao động nhỏ cỏ vườn rau, nhỏ cỏ vườn hoa, nhặt rác quanh sân trường. ` Chơi đồ chơi ngoài trời ` Làm một số đồ chơi từ nguyên vật liệu đơn giản...</p>
57		Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng có ở địa phương.		
58	3	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Chất tan và không tan		
59		Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng gần gũi với trẻ.		
60		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của bản thân so với người khác với sự gợi mở của cô giáo.		
62		Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật,		

		hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng có ở địa phương.		
63	4	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán nội dung khám phá, kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế của trẻ. Ví dụ: Chất tan và không tan/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		<p><b>* Hoạt động chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TCM: Đếm các bộ phận cơ thể</li> <li>- Trải nghiệm nhặt rau</li> <li>- Trải nghiệm gieo hạt</li> </ul>
64		Thu thập thông tin về bản thân, các bộ phận trên cơ thể, nhu cầu của bản thân bạn về bạn bằng nhiều cách khác nhau: Quan sát, nhận xét và trò chuyện,...		
65		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của bản thân so với người khác.		
67	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng gần gũi xung quanh trẻ.		
68		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận nội dung khám phá xung quanh môi trường sống của trẻ. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng		

		cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		
69		Trẻ biết thu thập thông tin về các bộ phận trên cơ thể, các giác quan, như cầu của bản thân và người khác,... bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.		
70		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của phân biệt đặc điểm giống và khác nhau của bản thân so với người khác: qua họ tên, giới tính, sở thích, không thích và 1 số đặc điểm bên ngoài được quan sát.		

**b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**

114	3	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	` Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	<b>* Hoạt động học</b> B. Nhận biết phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân.
115	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). (5T: Với một vật nào đó làm chuẩn)	N. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (phía trước sau, trên dưới.)
116	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		L. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với vật làm chuẩn. (phía trước sau, trên dưới) <b>* Hoạt động</b>

				<p><b>học</b></p> <p>B. Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân</p> <p>N. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía phải, phía trái)</p> <p>L. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với vật làm chuẩn. (phía phải, phía trái)</p> <p><b>* Hoạt động chơi:</b></p> <p>- Trò chơi: Đứng đúng chỗ của tôi</p> <p>- Trò chơi: Thi xem ai nhanh.</p>
<b>C) Khám phá xã hội</b>				
119	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên, tuổi, giới tính của bản thân.( giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới công bằng giới...)	<b>* Hoạt động học</b>
120	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	` Họ tên, tuổi/ giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân ( Giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...)	- KPXH: Bé giới thiệu về mình <b>* HĐ Đón trả trẻ:</b> Xem tranh, ảnh, trò chuyện với trẻ về tên, tuổi, giới tính của bản thân
121	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên, ngày sinh giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân ( giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...) và vị trí của trẻ trong gia đình.	
138	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày tết hoa, tết lúa mới của dân tộc Cống...qua trò chuyện, tranh ảnh.	Ngày lễ hội ( Ngày tết hoa, tết lúa mới của dân tộc Cống...) của địa phương.	<b>* HĐ học</b>
140	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc		- Sinh hoạt chiều: Trò chuyện với trẻ về ngày tết hoa, tết lúa mới của

		điểm của một số ngày lễ hội.	Ngày lễ hội ( Ngày tết hoa, tết lúa mới của dân tộc Công...) của địa phương	dân tộc Công
142	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày tết hoa của dân tộc công con được đi chơi, đi ăn tết theo bố mẹ		

### 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

153		Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; 4T có chứa các âm khó; 5T có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu).	<b>Hoạt động học:</b> - TCTV: Học từ mới: Bạn trai, bạn gái, váy, rửa mặt, chải đầu, Buộc tóc. Đôi mắt, cái mũi, đôi tai, miệng, tay, chân, thịt lợn, thịt bò, gạo nếp, dầu ăn, mỡ lợn, quả bơ..... - Trò chơi: Thi xem ai nhanh, ai đoán đúng, Ai nói nhanh....
154	3	Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
155		Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		
156	4	Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
157	5	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.		
158		Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.		
159	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)	<b>* Hoạt động học TCTV:</b> - DCM: Bạn trai để tóc ngắn; Bạn gái buộc bím tóc dài rất xinh; Bạn gái mặc váy rất đẹp. Bạn Tuấn rửa mặt sạch sẽ sau khi ngủ dậy.
160	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		
161	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...		

					Các bạn gái dùng lược để chải đầu. Bạn Trang buộc tóc hai bên. Đôi mắt dùng để nhìn là cơ quan thị giác; Cái mũi dùng để ngửi là cơ quan khứu giác; Đôi tai dùng để nghe là cơ quan thính giác..... - Trò chơi: Ai nhanh nhất...
165	3	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.			* <b>HD học</b> + Thơ: Bé ơi * <b>HD học</b> + Ca dao đồng dao: Nu na nu nống, tập tầm vông, mười ngón tay, vươn vai... + Câu đố về các bộ phận trên cơ thể bé: Cái mũi, đôi mắt, bàn chân...
166	4		` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi		
167	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. ` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
168		Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..			
169	3	Trẻ có khả năng kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	* <b>Hoạt động học</b> - Truyện: Giác mơ kì lạ	
170	4	Trẻ biết cách kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.			
171	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)		
195	4	Trẻ biết nhận dạng chữ cái a, ă, â trong bảng chữ cái tiếng việt.	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng chữ cái (4 tuổi nhận biết chữ cái a, ă, â;	* <b>HD học:</b> - LQCC: a, ă, â - LQCV: Tập tô chữ cái: a, ă, â	
196	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ a, ă, â, sao chép một số kí	` Sao chép một số kí		

		hiệu, chữ cái, tên của mình.	5t nhận biết các chữ cái).	hiệu, chữ cái, tên của mình.	
197		Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.			
<b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>					
198	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	` Tên, tuổi, giới tính	* <b>Hoạt động học</b> - KPXH: Bé giới thiệu về mình	
199	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.			
200	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.			
201	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	` Những điều bé thích , không thích.	* <b>Hoạt động học</b>	
202	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	` Sở thích, khả năng của bản thân.	- <b>Giờ đón trả trẻ</b> -Trò chuyện với trẻ về bản thân, cho trẻ giới thiệu về bản thân, những điều bé thích và không thích	
203		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.			
204	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.	` Điểm giống khác nhau của mình với người khác.	* <b>Hoạt động học: TCM</b> - Tìm bạn thân	
205		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn ( Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).			
213	3	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	* <b>3,4,5 tuổi:</b> ` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức	* <b>Hoạt động học:</b> - TCM: Tôi vui tôi buồn - HĐ đón trả trẻ: Xem tranh ảnh, trò chuyện	
214	4	Trẻ có thể nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua			

		nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói	với trẻ về một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi...
215	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	* <b>4,5 tuổi:</b> Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ( qua tranh ảnh; 5T âm nhạc)	
216	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
217	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	
218	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
219		Trẻ biết an ủi và chia vui với bạn bè.	Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
220		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè	` Khả năng và sở thích của bạn bè	
<b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b>				
261	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	` Nghe các bài hát, bản nhạc ( nhạc thiếu nhi, dân ca)	* <b>HD học:</b> - Nghe hát: + Năm ngón tay ngoan + Em là bông hồng nhỏ



262	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)		
263	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	
267	3	Trẻ có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	* <b>3,4,5T:</b> " Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc ( đơn giản; 4+5T nhịp nhàng " Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. (4,5T theo tiết tấu).		* <b>Hoạt động học:</b> <b>Âm nhạc</b> - VĐMH: Tập rửa mặt - VTTTC: Mời bạn ăn
268	4	Trẻ có thể vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).			
269	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
273	3	Trẻ có kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm ( 3T đơn giản, 4T có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)		* <b>HD học</b> + Tạo hình: Vẽ bạn trai, bạn gái * <b>HD Chơi</b> + Góc tạo hình: Vẽ bạn trai, bạn gái, vẽ khuôn mặt vui, buồn... + Chơi ngoài
274	4	Trẻ có kỹ năng vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.			
275	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng		Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra	

		vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	trời: Vẽ tự do trên sân trường
282	3	Biết biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm (3T đơn giản, 4T có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	* <b>Hoạt động chơi</b> + GXD: Lắp ghép, xếp hình,.. - Chơi tự do ở các góc - Chơi ngoài trời: xếp sỏi, đá, hạt, lá, hoa...
283	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		
284	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
288	3	Trẻ có khả năng vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	` Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	* <b>Hoạt động chơi:</b> + Góc âm nhạc:
289	4	Trẻ có thể lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	` Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	Hát, gõ đệm dụng cụ âm nhạc các bài hát về chủ đề
290		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	

**Giáo viên**

**Ban giám hiệu**

**Vì Thị Thanh**

**Nguyễn Hồng Vân**